

Số: 23/2013/QĐ-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định giá tính thuế đối với
tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 313/TTr-STC ngày 26/06/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tính thuế đối với tài nguyên thiên nhiên được khai thác trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

Số TT	Danh mục tài nguyên	Giá tính thuế (đồng/m³)
1	Đất	
a)	Đất khai thác để san lấp, xây đắp công trình	40.000
b)	Đất làm gạch, ngói	170.000

Số TT	Danh mục tài nguyên	Giá tính thuế (đồng/m³)
2	Cát	
a)	Cát san lấp mặt bằng (bơm)	11.000
b)	Cát xây dựng	18.000
3	Đá xây dựng	
a)	Đá 1 x 2	160.000
b)	Đá 4 x 6	120.000
c)	Đá 5 x 7	120.000
d)	Đá 20 x 30	100.000
đ)	Đá 40 x 60	100.000
e)	Đá cấp phối	90.000
g)	Đá bụi	19.000
4	Đá Granite	4.500.000
5	Nước thiên nhiên	
a)	Nước khoáng thiên nhiên	150.000
b)	Nước mặt	3.000
c)	Nước ngầm (giếng khoan, giếng đào)	5.000

Giá tính thuế tài nguyên tại Điều này đã chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giá tính thuế tài nguyên tại Điều 1 của Quyết định này áp dụng để tính thuế tài nguyên đối với các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh không thực hiện đầy đủ sổ sách, hóa đơn, chứng từ theo quy định.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên bán ra đã áp dụng đầy đủ chế độ sổ sách, hóa đơn, chứng từ theo quy định, xác định được giá bán tài nguyên tại nơi khai thác thì thực hiện thu thuế tài nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Phần II Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính.

3. Đối với các loại tài nguyên, khoáng sản khai thác khác thì áp dụng theo giá của sản phẩm tương đương, có cùng phẩm cấp và công dụng quy định tại Điều 1 Quyết định này làm cơ sở để tính thuế tài nguyên theo quy định. Đối với các loại tài nguyên khai thác phải qua chế biến thành các sản phẩm khác, sau đó bán ra thì căn cứ vào định mức tiêu hao tài nguyên trong quá trình sản xuất chế biến

quy đổi ra sản lượng tài nguyên khai thác để áp dụng theo mức giá tại Điều 1 Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu giá tính thuế tài nguyên quy định tại Điều 1 Quyết định này có biến động tăng hoặc giảm 20% trở lên, hoặc có loại tài nguyên khác phát sinh trên địa bàn tỉnh thì Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan khảo sát giá cả thị trường của tài nguyên đó, lập phương án điều chỉnh giá tính thuế hoặc bổ sung quy định giá tính thuế để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho Cục Thuế tỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

6. Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế tài nguyên theo quy định hiện hành của nhà nước.

7. Các nội dung khác không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 105/2010/TT-BTC và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 03/06/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định giá tính thuế đối với tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UB MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo, Đài PTTH An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P.TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh